

Tổng hợp kiến thức Toán lớp 2: Các bài toán đố về tìm thành phần chưa biết

Chào các em học sinh! Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập lại một dạng toán rất quan trọng và thú vị trong chương trình Toán lớp 2, đó là các bài toán đố liên quan đến việc tìm một thành phần chưa biết trong phép cộng và phép trừ. Nắm vững kiến thức này sẽ giúp các em giải quyết các bài toán nhanh và chính xác hơn.

I. Kiến thức cần nhớ

1. Tên gọi các thành phần trong phép cộng và phép trừ

Để giải được bài toán, trước hết chúng ta cần nhớ đúng tên gọi của các số trong một phép tính.

Phép tính	Tên gọi các thành phần
Phép cộng: $\mathbf{a + b = c}$	• a: Số hạng • b: Số hạng • c: Tổng
Phép trừ: $\mathbf{x - y = z}$	• x: Số bị trừ • y: Số trừ • z: Hiệu

2. Quy tắc tìm thành phần chưa biết

Dưới đây là 3 quy tắc vàng mà các em cần ghi nhớ thật kỹ:

a. Tìm số hạng chưa biết trong phép cộng

- **Quy tắc:** Muốn tìm một số hạng chưa biết, ta lấy Tổng trừ đi số hạng đã biết.
- **Công thức:** **Số hạng = Tổng - Số hạng đã biết**

Ví dụ 1: Tìm x , biết: $x + 15 = 40$

Giải:

$$x = 40 - 15$$

$$x = 25$$

Ví dụ 2: Tìm $?$, biết: $21 + ? = 56$

Giải:

Số cần tìm là: $56 - 21 = 35$

Vậy: $21 + 35 = 56$

b. Tìm số bị trừ chưa biết trong phép trừ

- **Quy tắc:** Muốn tìm số bị trừ, ta lấy Hiệu cộng với số trừ.
- **Công thức:** **Số bị trừ = Hiệu + Số trừ**

Ví dụ 1: Tìm x , biết: $x - 20 = 35$

Giải:

$$x = 35 + 20$$

$$x = 55$$

Ví dụ 2: Tìm $?$, biết: $? - 8 = 19$

Giải:

Số cần tìm là: $19 + 8 = 27$

Vậy: $27 - 8 = 19$

c. Tìm số trừ chưa biết trong phép trừ

- **Quy tắc:** Muốn tìm số trừ, ta lấy Số bị trừ trừ đi Hiệu.
- **Công thức:** **Số trừ = Số bị trừ - Hiệu**

Ví dụ 1: Tìm x , biết: $50 - x = 22$

Giải:

$$x = 50 - 22$$

$$x = 28$$

Ví dụ 2: Tìm ?, biết: $78 - ? = 40$

Giải:

Số cần tìm là: $78 - 40 = 38$

Vậy: $78 - 38 = 40$

II. Các dạng bài toán đồ thường gặp

Bây giờ, chúng ta sẽ áp dụng các quy tắc trên vào giải các bài toán có lời văn nhé!

Dạng 1: Bài toán tìm số hạng chưa biết

Dấu hiệu nhận biết: Bài toán cho biết tổng của hai số và giá trị của một trong hai số đó, yêu cầu tìm số còn lại.

Các bước giải:

1. Đọc kỹ đề bài, xác định đâu là Tổng và đâu là Số hạng đã biết.
2. Xác định yêu cầu của bài toán là tìm Số hạng còn lại.
3. Viết câu lời giải phù hợp.
4. Thực hiện phép tính trừ: Lấy Tổng trừ đi Số hạng đã biết.
5. Viết đáp số.

Ví dụ 1: Lớp 2A có tất cả 35 học sinh, trong đó có 17 học sinh nữ. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh nam?

Phân tích:

- Tổng số học sinh (Tổng): 35 học sinh
- Số học sinh nữ (Số hạng đã biết): 17 học sinh

- Tìm số học sinh nam (Số hạng chưa biết)

Bài giải:

Số học sinh nam của lớp 2A là:

$$35 - 17 = 18 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 18 học sinh nam.

Ví dụ 2: Hai đội công nhân trồng được tổng cộng 90 cây xanh. Đội thứ nhất trồng được 42 cây. Hỏi đội thứ hai trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải:

Đội thứ hai trồng được số cây là:

$$90 - 42 = 48 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 48 cây.

Dạng 2: Bài toán tìm số bị trừ chưa biết

Dấu hiệu nhận biết: Bài toán cho biết một số lượng ban đầu không xác định. Sau khi bớt đi một số lượng đã biết thì còn lại một số lượng nhất định. Yêu cầu tìm số lượng ban đầu.

Các bước giải:

1. Đọc kỹ đề bài, xác định đâu là Số trừ (phần bớt đi) và đâu là Hiệu (phần còn lại).
2. Xác định yêu cầu của bài toán là tìm Số bị trừ (số lượng ban đầu).
3. Viết câu lời giải phù hợp.
4. Thực hiện phép tính cộng: Lấy Hiệu cộng với Số trừ.

5. Viết đáp số.

Ví dụ 1: Trên cành cây có một đàn chim. Sau khi 8 con bay đi, trên cành còn lại 15 con. Hỏi lúc đầu trên cành có bao nhiêu con chim?

Phân tích:

- Số chim bay đi (Số trừ): 8 con
- Số chim còn lại (Hiệu): 15 con
- Tìm số chim lúc đầu (Số bị trừ)

Bài giải:

Lúc đầu trên cành có số con chim là:

$$15 + 8 = 23 \text{ (con chim)}$$

Đáp số: 23 con chim.

Ví dụ 2: Mẹ bán đi 2 chục quả cam thì trong rổ còn lại 36 quả. Hỏi lúc đầu trong rổ có bao nhiêu quả cam?

Lưu ý: 2 chục = 20

Bài giải:

Lúc đầu trong rổ có số quả cam là:

$$36 + 20 = 56 \text{ (quả cam)}$$

Đáp số: 56 quả cam.

Dạng 3: Bài toán tìm số trừ chưa biết

Dấu hiệu nhận biết: Bài toán cho biết số lượng ban đầu. Sau khi bớt đi một số lượng không xác định thì còn lại một số lượng nhất định. Yêu cầu tìm số lượng đã bớt đi.

Các bước giải:

1. Đọc kỹ đề bài, xác định đâu là Số bị trừ (số lượng ban đầu) và đâu là Hiệu (phần còn lại).
2. Xác định yêu cầu của bài toán là tìm Số trừ (phần đã bớt đi).
3. Viết câu lời giải phù hợp.
4. Thực hiện phép tính trừ: Lấy Số bị trừ trừ đi Hiệu.
5. Viết đáp số.

Ví dụ 1: Bến xe có 45 chiếc ô tô. Sau khi một số xe rời bến, trong bến còn lại 25 chiếc. Hỏi có bao nhiêu chiếc ô tô đã rời bến?

Phân tích:

- Số ô tô lúc đầu (Số bị trừ): 45 chiếc
- Số ô tô còn lại (Hiệu): 25 chiếc
- Tìm số ô tô đã rời bến (Số trừ)

Bài giải:

Số chiếc ô tô đã rời bến là:

$$45 - 25 = 20 \text{ (chiếc ô tô)}$$

Đáp số: 20 chiếc ô tô.

Ví dụ 2: Mẹ có 50 nghìn đồng. Mẹ mua rau hết một số tiền thì mẹ còn lại 32 nghìn đồng. Hỏi mẹ đã mua rau hết bao nhiêu tiền?

Bài giải:

Mẹ đã mua rau hết số tiền là:

$$50 - 32 = 18 \text{ (nghìn đồng)}$$

Đáp số: 18 nghìn đồng.

III. Mẹo ghi nhớ nhanh

Để dễ nhớ các quy tắc, các em có thể học thuộc các câu thơ sau:

- **Số hạng** ta đi tìm,
Lấy **Tổng trừ** liền số hạng kia.
- Tìm **số bị trừ** ư?
Hiệu cộng số trừ, có khó gì!
- Muốn tìm **số trừ**,
Lấy **số bị trừ**, trừ **Hiệu** đi.

Chúc các em học tốt và luôn yêu thích môn Toán!